

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 242/2021/DS-ST
Ngày 06-7-2021
V/v Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Bé
2. Ông Thái Văn Sơn

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa: Ông Đào Văn Tiền - Kiểm Sát Viên

Ngày 06 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 116/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 264/2021/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N Việt Nam;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 02, Láng Hạ, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội;
Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T - Giám đốc N Việt Nam-Chi nhánh C;

Ông Nguyễn Văn T ủy quyền lại cho bà Phạm Thị Kim M– Giám đốc phòng giao dịch số 3, Agribank Chi nhánh C; Địa chỉ liên lạc: Số 11, tỉnh lộ 8, ấp 1A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; (Theo Giấy ủy quyền số 523/QUQ-NHNN.CC-TH ngày 14/5/2020 của ông Nguyễn Văn T).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1970; (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 415/1, đường T, tổ 09, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; (vắng mặt).

3.2/ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1939; (vắng mặt).

3.3/ Ông Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1995; (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 415/1, đường T, tổ 09, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 24/9/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/8/2016, ông Nguyễn Văn H có ký hợp đồng tín dụng số 6120-LAV-2016 04685 với Ngân hàng N - chi nhánh C (Gọi tắt là Agribank) để vay số tiền 250.000.000đ. Thời hạn vay là 48 tháng. Mục đích vay: Chăn nuôi 10 con bò lai sind. Phương thức cho vay: Từng lần. Với mức lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng là : 10.50%/năm, lãi suất cho vay sẽ tự động điều chỉnh theo mức lãi suất cho vay do Agribank – Chi nhánh C thông báo theo từng thời điểm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Thực hiện hợp đồng, Agribank đã giải ngân cho ông H đủ số tiền 250.000.000đ.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 29/8/2016, bà Nguyễn Thị M có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 6120-LCP-2016014456 với bên nhận thế chấp là Agribank – Chi nhánh C thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 5256,6m² thuộc thửa 81, tờ bản đồ số 07, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số AC 966047, số vào sổ cấp giấy H00659/19 ngày 22/7/2005, do UBND huyện Củ Chi cho bà Môn. Đất tọa lạc tại: Ấp Bốn Phú, xã Trung An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng thế chấp trên đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Tân Quy, Thành phố Hồ Chí Minh và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Củ Chi.

Ngoài ra, ngày 16/11/2016, ông Nguyễn Văn H có ký hợp đồng tín dụng số 6120-LAV-2016 06380 với Ngân hàng N - chi nhánh C (Gọi tắt là Agribank) để vay số tiền 50.000.000đ. Thời hạn vay là 36 tháng. Mục đích vay: Chăm sóc vườn cây ăn trái. Phương thức cho vay: Từng lần. Với mức lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng là : 10.50%/năm, lãi suất cho vay sẽ tự động điều chỉnh theo mức lãi suất cho vay do Agribank – Chi nhánh C thông báo theo từng thời điểm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Thực hiện hợp đồng, Agribank đã giải ngân cho ông Hùng đủ số tiền 50.000.000đ ngày 16/11/2016. Đối với đồng tín dụng số 6120-LAV-2016 06380 là cho vay tín chấp không có biện pháp đảm bảo. Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 24/9/2020, Agribank khởi kiện yêu cầu ông H thanh toán số tiền còn nợ 48.000.000đ và lãi suất phát sinh. Tuy nhiên, đến nay ông H đã thanh toán đầy đủ cho Agribank số tiền này, do đó Agribank rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trên.

Đối với hợp đồng tín dụng số 6120-LAV-2016 04685, tính đến ngày 06/7/2021, phía ông H còn nợ Agribank số tiền tổng cộng là 313.446.767đ. Trong đó: Nợ gốc là 216.290.000đ, tiền lãi là 97.157.767đ (lãi trong hạn là 83.240.208đ và lãi quá hạn là 13.917.559đ).

Do ông H vay tiền với mục đích chăn nuôi bò sữa để phát triển kinh tế gia đình và đang còn trong thời kỳ hôn nhân với bà Nguyễn Thị H nên Agribank khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H, bà H có trách nhiệm trả số nợ trên cho Agribank. Nay nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu ông H, bà H thanh toán số tiền nợ tính đến ngày xét xử tổng cộng là 313.446.767đ. Trong đó: Nợ gốc là 216.290.000đ, tiền lãi là 97.157.767đ (lãi trong hạn là 83.240.208đ và lãi quá hạn là 13.917.559đ). Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông H, bà H có trách nhiệm trả lãi phát sinh cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp ông H, bà H không trả được nợ, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp đối với diện tích 5256,6m² thuộc thửa 81, tờ bản đồ số 07, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số AC 966047, số vào sổ cấp giấy H00659/19 ngày 22/7/2005, do UBND huyện Củ Chi cho bà M, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 6120-LCP-2016014456 ngày 29/8/2016 giữa các bên.

Các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Đơn khởi kiện; Bản tự khai; Hồ sơ pháp lý của Ngân hàng: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định của Thống đốc Ngân hàng số 280 ngày 15/10/1996, Quyết định của Thống đốc Ngân hàng số 198 ngày 02/6/1998, Điều lệ Ngân hàng, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, Quyết định số 510 ngày 19/6/2014, Quyết định điều động bổ nhiệm số 60 ngày 26/01/2019, Quyết định bổ nhiệm số 524 ngày 14/5/2020, Quyết định số 1058 ngày 18/12/2019; Quyết định 2965 ngày 27/12/2019; 02 Bảng chiết tính nợ vay; Biên bản xử lý nợ từ lần thứ 01-09; Giấy mời+ Giấy báo nợ; Chứng minh nhân dân +Sổ hộ khẩu sao y (ông Hùng); Giấy đề nghị vay vốn ngày 22/8/2016; Bảng chiết tính nợ vay ngày 31/7/2019; Sổ vay vốn; Sổ theo dõi Hợp đồng tín dụng số 6120 –LAV-201606380 ngày 16/11/2016; Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn; Văn bản thỏa thuận; Hợp đồng tín dụng số 6120 –LAV-201604685 ngày 29/8/2016; Hợp đồng thế chấp ngày 29/8/2016; Biên bản xác định giá trị tài sản đảm bảo; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp; Giấy chứng nhận QSDĐ số AC 966047, số vào sổ cấp giấy H00659/19 ngày 22/7/2005 của UBND huyện Củ Chi cấp cho bà M.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H theo nội dung lời khai trong quá trình giải quyết vụ án xác định: Bà thừa nhận vợ chồng bà có vay Agribank- Chi nhánh Củ Chi số tiền 250.000.000đ. Do chồng bà nhiều lần bị tai nạn chấn thương sọ não nên không có khả năng trả nợ. Bà yêu cầu Tòa án cho gia đình bà trong vòng 02 tháng sẽ thu xếp trả nợ cho ngân hàng. Bà xác định trên tài

sản thế chấp cho căn nhà gia đình bà cùng 04 thành viên sinh sống gồm: mẹ chồng, vợ chồng bà và 01 con trai tên Nguyễn Trọng Q.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Trọng Q đã được Tòa án tổng đặt thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bà M, ông Q.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử và tại phiên Tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với hợp đồng tín dụng số 6120-LAV-2016 06380 ngày 16/11/2016; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H, bà H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ tổng cộng tính đến ngày xét xử là 313.446.767đ. Trong đó: Nợ gốc là 216.290.000đ, tiền lãi là 97.157.767đ (lãi trong hạn là 83.240.208đ và lãi quá hạn là 13.917.559đ). Ông H và bà H phải có nghĩa vụ trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi tất toán xong khoản nợ. Trường hợp ông H và bà H không trả được nợ, cơ quan có thẩm quyền có quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp đối với tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 6120-LCP-2016014456 ngày 29/8/2016 giữa các bên để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có địa chỉ tại xã T, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là ông H; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Trọng Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của Agribank khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Hùng, bà Hà trả số tiền tổng cộng tính đến ngày xét xử là 313.446.767đ. Trong đó: Nợ gốc là

216.290.000đ, tiền lãi là 97.157.767đ (lãi trong hạn là 83.240.208đ và lãi quá hạn là 13.917.559đ). Yêu cầu trả số tiền trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, yêu cầu vợ chồng ông H, bà H có trách nhiệm trả lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến ngày thanh toán xong tất cả các khoản nợ. Trong trường hợp ông H, bà H không trả được nợ, phía nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp tài sản số 6120-LCP-2016014456 ngày 29/8/2016 giữa các bên.

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập được có cơ sở xác định: Vào ngày 29/8/2016, ông Hùng có ký hợp đồng tín dụng số 6120-LAV-2016 04685 với Agribank - chi nhánh Củ Chi để vay số tiền 250.000.000đ với thời hạn vay, mục đích vay, phương thức vay và mức lãi suất trong hạn, quá hạn như nguyên đơn trình bày là đúng. Thực hiện hợp đồng, Agribank đã giải ngân cho ông H đủ số tiền 250.000.000đ.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 29/8/2016, bà Nguyễn Thị M (mẹ ông H) có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 6120-LCP-2016014456 với bên nhận thế chấp là Agribank – Chi nhánh Củ Chi thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 5256,6m² thuộc thửa 81, tờ bản đồ số 07, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số AC 966047, sổ vào sổ cấp giấy H00659/19 ngày 22/7/2005, do UBND huyện Củ Chi cho bà M. Đất tọa lạc tại: Ấp Bốn Phú, xã Trung An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng thế chấp trên đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Tân Quy, Thành phố Hồ Chí Minh và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Củ Chi.

Quá trình thực hiện hợp đồng cho đến nay, phía ông H đã trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 72.401.460đ. Trong đó gồm nợ gốc là 33.710.000đ, nợ lãi là 38.691.460đ (lãi trong hạn là 37.972.777đ, lãi quá hạn là 717.683đ). Phía nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở ông H, bà H trả nợ nhưng ông H và bà H không có thiện chí trả nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Trọng Q đã được Tòa án đã triệu tập họp lệ đến Tòa để giải quyết vụ kiện nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà H, bà M, ông Q căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông H và bà H cùng liên đới có trách nhiệm trả nợ. Xét thấy, ông H vay tiền Agribank theo Hợp đồng tín dụng số 6120-LAV-2016 04685 với mục đích là chăn nuôi bò để phát triển kinh tế gia đình. Do đó, căn cứ Căn cứ khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân Gia đình, Hội đồng xét xử xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng ông H, việc Agribank yêu cầu là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về lãi, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn: Xét thấy, số tiền lãi trong hạn và quá hạn đối với khoản nợ gốc còn lại mà Agribank yêu cầu là đúng và phù hợp quy định pháp luật.

[2.4] Xét tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 5256,6m² thuộc thửa 81, tờ bản đồ số 07, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số AC 966047, số vào sổ cấp giấy H00659/19 ngày 22/7/2005, do UBND huyện Củ Chi cho bà Môn. Đất tọa lạc tại: Ấp Bốn Phú, xã Trung An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng thế chấp trên đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Tân Quy, Thành phố Hồ Chí Minh và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Củ Chi. Căn cứ các Điều 317, 320, 335, 336, 339, 340, 342 của Bộ luật dân sự 2015; xét thấy hợp đồng thế chấp tài sản số 6120-LCP-2016014456 ngày 29/8/2016 giữa các bên là hợp pháp và phù hợp quy định của pháp luật.

[2.5] Xét tài sản, công trình tồn tại trên tài sản thế chấp; theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31/3/2021, xác định trên phần diện tích đất 5256,6m² thuộc thửa 81, tờ bản đồ số 07, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số AC 966047, số vào sổ cấp giấy H00659/19 ngày 22/7/2005, do UBND huyện Củ Chi cấp cho bà M đang tồn tại căn nhà cấp 4 của vợ chồng ông H và 90 cây (măng cụt + chôm chôm) do vợ chồng ông H trồng và thu hoạch. Xét thấy, ông H, bà H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với tài sản trên đất nên Tòa án không xem xét.

[2.6] Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với đồng tín dụng số 6120-LAV-2016 06380 ngày 16/11/2016. Tại đơn khởi kiện ngày 24/9/2019, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền 48.000.000đ và tiền lãi phát sinh. Tuy nhiên, đến nay ông H đã thanh toán đầy đủ các khoản đối với hợp đồng tín dụng này. Nguyên đơn xác định rút một phần yêu cầu khởi kiện trên; xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.7] Xét phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Hội đồng xét xử ghi nhận kiến nghị của đại diện Viện Kiểm Sát về việc Thẩm phán đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.8] Từ những phân tích trên, Căn cứ vào Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân Gia đình; Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận; cần buộc ông H và bà H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng tính đến ngày xét xử là 313.446.767đ. Trong đó: Nợ gốc là 216.290.000đ, tiền lãi là 97.157.767đ (lãi trong hạn là 83.240.208đ và lãi quá hạn là 13.917.559đ). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông H và bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc

này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp ông H và bà H không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ, thì Agribank có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên ông H và bà H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 317, 320, 324, 325, 335, 336, 339, 340, 342 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân Gia đình;

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông H trả số tiền nợ gốc 48.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo đồng tín dụng số 6120-LAV-2016 06380 ngày 16/11/2016.

[2] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của N Việt Nam.

[2.1] Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền nợ tổng cộng tính đến ngày 06/7/2021 là 313.446.767đ (ba trăm mười ba triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng). Trong đó: Nợ gốc là 216.290.000đ (hai trăm mười sáu triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng), tiền lãi trong hạn là 83.240.208đ (tám mươi ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn hai trăm

lẽ tám đồng), tiền lãi quá hạn là 13.917.559đ (mười ba triệu chín trăm mười bảy nghìn năm trăm năm mươi chín đồng). Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông H và bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2.2] Trường hợp ông H và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất diện tích 5256,6m² thuộc thửa 81, tờ bản đồ số 07, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số AC 966047, số vào sổ cấp giấy H00659/19 ngày 22/7/2005, do UBND huyện Củ Chi cấp cho bà Nguyễn Thị M. Đất tọa lạc tại: Ấp Bốn Phú, xã Trung An, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm là 15.672.338đ (mười lăm triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn ba trăm ba mươi tám đồng) buộc ông H và bà H phải nộp.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền tạm ứng án phí là 7.837.781đ (bảy triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi một đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2018/0013817 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- CCTHADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Xuân Lan

